

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt cho các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Tân An
được cho thuê mặt bằng giữ xe và căn tin**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 01/08/2013 của UBND tỉnh Long An về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý, thuê, cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, thu hồi, sản xuất kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết tài sản nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 836/TCKH ngày 16/8/2017 Về việc đề nghị phê duyệt phương án cho thuê mặt bằng giữ xe và căn tin các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Tân An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cho các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Tân An được cho thuê mặt bằng giữ xe và căn tin, cụ thể như sau:

- Phương thức cho thuê: theo phương thức đấu giá
- Thời hạn cho thuê: 02 (hai) năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- Giá cho thuê: là giá trúng đấu giá.
- Giá khởi điểm: theo phụ lục đính kèm
- Số tiền thu được từ cho thuê tài sản phải hạch toán theo quy định, sau khi trừ chi phí hợp lý liên quan, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước, số còn lại được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 2. Giao phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố hướng dẫn các đơn vị trường học thực hiện quy định tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố và Hiệu trưởng các đơn vị trường học có danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND TPTA;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NCTH. ueh


Lê Công Đình

PHỤ LỤC

(Đính kèm Quyết định số: 0407/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND thành phố)

STT	Tên trường	Nội dung cho thuê	Diện tích cho thuê (m ²)	Kết cấu	Giá khởi điểm để đầu giá (đồng/tháng)
Tiểu học					
1	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	Căn tin	120	Nhà khung sắt, vách tole, mái tole, nền bê tông	17.862.000
2	Trường tiểu học Tân An	Căn tin	40	Nhà khung sắt, vách tole, mái tole, nền bê tông	4.600.000
		Căn tin	40	nt	4.600.000
		Căn tin	40	nt	4.600.000
3	Trường tiểu học Nguyễn Trung Trực	Căn tin	30	Nhà khung sắt, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.031.000
4	Trường tiểu học Khánh Hậu	Nhà xe	200	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	600.000
		Căn tin	15	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	1.850.000
5	Trường tiểu học Cấn Đốt	Nhà xe	45	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	100.000
6	Trường tiểu học An Vĩnh Ngãi	Căn tin	45	Nhà khung sắt, tường gạch, mái tole, nền bê tông	4.179.000
7	Trường tiểu học Lý Tự Trọng	Căn tin	15	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	500.000
		Căn tin	9	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	1.016.000
		Căn tin	9	nt	1.016.000
8	Trường tiểu học Nhơn Thạnh Trung	Căn tin	27	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	1.678.000

9	Trường tiểu học Hướng Thọ Phú	Căn tin	15	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	2.003.000
10	Trường tiểu học Bình Tâm	Căn tin	24	Nhà khung sắt, tường gạch, mái tole, nền bê tông	2.793.000
11	Trường tiểu học Ngải Lợi	Căn tin	18	Nhà tiền chế	1.069.000
		Nhà xe	18	Nhà tiền chế	500.000
12	Trường tiểu học Phú Nhơn	Căn tin	24	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	1.226.000
13	Trường tiểu học Tân Khánh	Căn tin	24	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	682.000
14	Trường tiểu học Hướng Bình	Căn tin	15	Nhà tiền chế, tường gạch, mái tole, nền bê tông	150.000
15	Trường tiểu học Rạch Chanh	Căn tin	13,75	vách ván, mái tole, nền bê tông	509.000

Trung học cơ sở

1	Trường THCS Trần Phú	Căn tin	90	Nhà tiền chế, tường gạch vách tole, mái tole, nền bê tông	17.250.000
		Nhà xe	40	nt	5.000.000
		Căn tin	15	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.029.000
2	Trường THCS Nhựt Tảo	Căn tin	20	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.029.000
		Căn tin	20	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.029.000
		Căn tin	45	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.029.000
		Nhà xe	264	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	5.850.000
3	Trường THCS Thống Nhất	Căn tin	108	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	22.390.000
		Nhà xe	154	nt	1.000.000

4	 Trưởng THCS Khánh Hậu	Căn tin	39,6	Nhà bê tông cốt thép, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.000.000
5		Nhà xe	176	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	2.000.000
6	Trưởng THCS Lý Tự Trọng	Căn tin	72	Nhà tiền chế, nền gạch Nhà tiền chế	8.100.000
		Nhà xe	128		1.550.000
6	Trưởng THCS Cần Đốt	Căn tin	36	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	800.000
		Căn tin	72	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	800.000
7	Trưởng THCS Lợi Bình Nhơn	Nhà xe	176	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	800.000
		Căn tin	25	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	1.300.000
8	Trưởng THCS Hướng Thọ Phú	Nhà xe	144	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	4.000.000
		Căn tin	36	Nhà tiền chế, vách tole, mái tole, nền bê tông	5.550.000
		Nhà xe	30	Nhà tiền chế, mái tole, nền bê tông	3.000.000